

Bản án số: 54/2022/DSST.
Ngày 21 tháng 02 năm 2022.
“*V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 509/2020/TLST-DS ngày 06/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam;

Địa chỉ: số 22 N Q, phường T T, quận H K, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Tuấn Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Lầu 2, số 264 E đường Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Điều M N, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp X C, xã T A H, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Điều M N cùng Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam – Chi nhánh G Đ, Phòng Giao dịch Thành Thái đã cùng ký kết hợp đồng cho vay số: 257/2016/HĐTD/KHCN-PVB.PGDTT ngày 21/7/2016 (Hợp đồng cho vay), chi tiết như sau: Khế ước nhận nợ số: 01, ngày 21/7/2016; Số tiền cho vay là: 637.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu

đồng), số tiền giải ngân là 637.000.000 đồng, ngày giải ngân là ngày 21/7/2016; Mục đích sử dụng vốn là vay mua xe ô tô, thời hạn vay 72 tháng; Lãi suất phát vay là: 7,99%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Điều M N đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 258/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDTT ngày 21/7/2016 để thế chấp tài sản là: Xe ô tô con hiệu: Toyota, loại Corolla 1.8G CVT, màu sơn xanh đen, số khung: RL4BU9HEXG7509131, số máy: 2ZRX577895, biển kiểm soát: 51F-704.61.

Chiều theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 188372 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2016 cho ông Điều M N.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 21/7/2016, số đăng ký 1219285975.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, khê ước nhận nợ, ông Điều M N đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. PVcomBank đã gửi thông báo số 1332/TB-PVB ngày 22/4/2019 về việc thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông Điều M N .

Dư nợ khoản vay của ông Điều M N tạm tính đến ngày 21/02/2022 như sau: Nợ gốc: 619.300.000 đồng, lãi trong hạn: 198.521.361 đồng, lãi quá hạn: 273.879.637 đồng, lãi phạt: 137.000.569 đồng, tổng lãi là 609.401.567 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 1.228.701.567 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam (PVcomBank) yêu cầu như sau:

+ Buộc ông Điều M N thanh toán cho PvcomBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2022 là 1.228.701.567 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc 619.300.000 đồng, tiền lãi 609.401.567 đồng.

+ Buộc ông Điều M N thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 257/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDTT ngày 21/7/2016 kể từ ngày 22/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Điều M N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô con hiệu Toyota, loại Corolla 1.8G CVT, màu sơn xanh đen, số khung: RL4BU9HEXG7509131, số máy: 2ZRX577895, biển kiểm soát: 51F-704.61 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 188372 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2016 cho ông Điều M N để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam.

+ Số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Điều M N đối với Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Điều M N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thay đổi lời trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Điều M N.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản chi tiết tính lãi, văn bản ủy quyền, bản sao hồ sơ pháp lý của Ngân hàng TMCP Đông Á, hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp xe ô tô, CMND + HK.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị Thẩm phán xem xét khắc phục.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều: 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam yêu cầu ông Điều M N thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng vay mà ông N đã ký với Ngân hàng; Bị đơn ông Điều M N đang cư trú tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam yêu cầu ông N hoàn trả cho phía Ngân hàng số tiền mà ông đã vay theo hợp đồng vay số 257/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDTT, ngày 21/7/2016, tính đến thời điểm này là: 1.228.701.567 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc 619.300.000 đồng, tiền lãi 609.401.567 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 257/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDTT, ngày 21/7/2016 kể từ ngày 22/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Căn cứ hợp đồng vay số: 257/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDTT, ngày 21/7/2016 và hợp đồng thế chấp số: 258/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDTT ngày 21/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam – Chi nhánh G Đ, Phòng Giao dịch Thành Thái và ông Điều M N; Bản kê tính lãi chi tiết; Giấy xác nhận nhân thân. Hội đồng xét xử xét thấy ông Điều M N ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam để vay tiền là thật; Đề đảm bảo cho khoản vay của ông, ông đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam 01 xe ô tô con hiệu Toyota, loại Corolla 1.8G CVT, màu sơn xanh đen, số khung: RL4BU9HEXG7509131, số máy: 2ZRX577895, biển kiểm soát: 51F-704.61 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 188372 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 20/7/2016 cho ông là Điều M N đứng tên; Việc vay tiền là tự nguyện; Ông N chưa có vợ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Điều M N hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam số tiền vay theo hợp đồng vay số 257/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDDT, ngày 21/7/2016 tính đến ngày 21/02/2022 là 1.228.701.567 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc 619.300.000 đồng, tiền lãi 609.401.567 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số 257/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDDT ngày 21/7/2016 kể từ ngày 22/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở.

Ông Điều M N đã chiếm hữu, sử dụng vốn vay của Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam trong thời gian dài, không có thiện chí trả nợ, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Điều M N hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam số tiền trên 01 lần, ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Điều M N phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay của ông tại Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam bằng tài sản thế chấp của ông theo hợp đồng thế chấp số: 258/2016/HĐBĐ/KHCN-PVB.PGDDT ngày 21/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam và ông N là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 274, 275, 278, 280, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ nhiều, thiếu Thư ký và tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nghiêm chỉnh tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 274, 275, 278, 280, 357, 463, 466, 468, của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam (PVcomBank).

1. Buộc ông Điều M N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam (PVcomBank) số tiền là 1.228.701.567 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc 619.300.000 đồng, tiền lãi là 609.401.567 đồng; Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc ông Điều M N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số 257/2016/HĐTD/KHCN-PVB.PGDTT ngày 21/7/2016 kể từ ngày 22/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ông Điều M N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô con hiệu Toyota, loại Corolla 1.8G CVT, màu sơn xanh đen, số khung: RL4BU9HEXG7509131, số máy: 2ZRX577895, biển kiểm soát: 51F-740.61 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 188372 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2016 cho ông Điều M N để thu hồi nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Điều M N phải chịu 48.861.047đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi một nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ C Việt Nam (PVcomBank) số tiền tạm ứng án phí 20.230.763đ (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0085024 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

